UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 170 /GCN-SKHCN	*Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2026*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4331/2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng và An toàn bức xạ, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội chứng nhận:

1. Trung tâm Ứng dụng Tiêu chuẩn Chất lượng

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Vạn An Global, Lô 4 - 10A Cụm tiểu thủ công nghiệp Hai Bà Trưng, đường Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 37918630; Fax: 024 37918631; E-mail: quasta.ce@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận đối với ngành Khoa học và Công nghệ trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn *(có phụ lục kèm theo)*.

2. Số đăng ký: **26/01/CN**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 5 (năm) năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Công ty CP Phòng thử nghiệm Phúc Gia;
- Ủy ban TCĐLCL Quốc gia (để b/cáo);
- Chủ tịch UBND TP Hà Nội
- Lưu: VT; TĐC&ATBX. (Phương)

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Anh Tuấn

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận số 170 /GCN-SKHCN ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội)

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn kỹ thuật
1	Mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy	- TCVN 5756:2017 Mũ bảo hiểm dùng cho người đi mô tô, xe máy; - QCVN 02:2021/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 02:2021/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2554.**
2	- Thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện tương tự; - Bóng đèn LED hai đầu được thiết kế để thay thế bóng đèn huỳnh quang ống thẳng; - Bóng đèn LED có balát lắp liền dùng cho chiếu sáng thông dụng làm việc ở điện áp lớn hơn 50 V; - Bóng đèn LED hai đầu được thiết kế để thay thế bóng đèn huỳnh quang ống thẳng.	**- QCVN 19:2019/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED;** - TCVN 13079-1:2020 (IBC 62471:2006) - An toàn quang sinh học của bóng đèn và hệ thống bóng đèn; - TCVN 7186:2018 (CISPR 15:2018) - Giới hạn và phương pháp đo đặc tính nhiễu tần số radio của thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện tương tự; - TCVN 13080:2020 (IEC/TR 62778:2014) Hướng dẫn áp dụng TCVN 13079-1 (TEC 62471) để đánh giá nguy hiểm ánh sáng xanh cho các nguồn sáng và đèn điện; - TCVN 11846:2017 (TEC 62776:2014) - Bóng đèn LED hai đầu được thiết kế để thay thế bóng đèn huỳnh quang ống thẳng - Quy định về an toàn; - TCVN 12679:2019 (IEC 61547:2009) - Thiết bị dùng cho mục đích chiếu sáng chung Yêu cầu miễn nhiễm tương thích điện từ (EMC); - TCVN 8782:2017 (IEC 62560:2015) - Bóng đèn LED có balát lắp liền dùng cho chiếu sáng thông dụng làm việc ở điện áp lớn hơn 50 V - Quy định về an toàn; - TCVN 11846:2017 (TEC 62776:2014) - Bóng đèn LED hai đầu được thiết kế để thay thế bóng đèn huỳnh quang ống thẳng - Quy định về an toàn; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 19:2019/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2558.**

3	- Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời (Bình nóng lạnh trực tiếp); - Máy khoan cầm tay hoạt động bằng động cơ điện; - Máy hút bụi; - Máy giặt Máy sấy quần áo; - Tủ lạnh, tủ đá, - Điều hòa không khí; - Máy sấy tóc; - Máy xay sinh tố; - Máy xay thịt; - Máy ép trái cây; - Máy đánh trứng.	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 09:2012/KHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng và các mục đích tương tự; - Sửa đổi 1:2018 QCVN 09:2012/BKHCN; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng và các mục đích tương tự; - TCVN 7492-1:2018 (CISPR 14-1:2016) - Tương thích điện từ - Yêu cầu đối với thiết bị điện gia dụng, dụng cụ điện và thiết bị điện tương tự - Phần 1: Phát xạ; - CISPR 14-1:2020 - Electromagnetic compatibility - Requirements for household appliances, electric tools and similar apparatus - Part 1: Emission; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận tương thích điện tử đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 09:2012/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2560**
4	Bếp điện (bao gồm bếp điện từ)	Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 09:2012/KHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng và các mục đích tương tự; - Sửa đổi 1:2018 QCVN 09:2012/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng và các mục đích tương tự; - TCVN 7492-1:2018 (CISPR 14- i :2016) - Tương thích điện từ - Yêu cầu đối với thiết bị điện gia dụng, dụng cụ điện và thiết bị điện tương tự - Phần 1: Phát xạ; - CISPR 14-1:2020 - Electromagnetic compatibility - Requirements for household appliances, electric tools and similar apparatus - Part 1: Emission; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận tương thích điện tử đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 09:2012/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2560**

5	Lò vi sóng (kể cả loại kết hợp)	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 09:2012/KHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng và các mục đích tương tự; - Sửa đổi 1:2018 QCVN 09:2012/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng và các mục đích tương tự; - TCVN 6988:2006 (CISPR 11:2004) - Thiết bị tần số Radio dùng trong công nghiệp, nghiên cứu khoa học và y tế (ISM) - Đặc tính nhiễu điện từ - Giới hạn và phương pháp đo; - TCVN 6988:2018 (CISPR 11:2016) - Giới hạn và phương pháp đo đặc tính nhiễu tần số radio của thiết bị công nghiệp, nghiên cứu khoa học và y tế; - CISPR 11-1:2024 - Industrial, scientiiic and medical equipment – Radio - frequency disturbance characteristics - Limits and methods of measurement; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận tương thích điện tử đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 09:2012/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2560.**
6	- Bóng đèn có balát lắp liền và các thiết bị chiếu sáng; - Thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện tương tự.	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 09:2012/KHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng và các mục đích tương tự; - Sửa đổi 1:2018 QCVN 09:2012/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng và các mục đích tương tự; - TCVN 7186:2018 (CISPR 15:2018) - Giới hạn và phương pháp đo đặc tính nhiễu tần số radio của thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện tương tự; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận tương thích điện tử đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 09:2012/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2560.**

7	- Ổ cắm điện dùng trong gia đình có dòng điện danh định không vượt quá 32 A; - Ổ cắm điện dùng trong gia đình.	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 25:2025/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự; - TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002) - Ổ cắm và phích cắm dùng trong gia đình và các mục đích tương tự - Phần 1: Yêu cầu chung; - TCVN 6188-2-3:2016 (LEC 60884-2-3:2006) - Phích cắm và ổ cắm dùng trong gia đình và các mục đích tương tự - Phần 2 - 3: Yêu cầu cụ thể đối với ổ cắm có công tắc không có khóa liên động dùng trong hệ thống lắp đặt điện cố định; - TCVN 6188-2-6:2016 (TEC 60884-2-6:1997) - Phích cắm và ổ cắm dùng trong gia đình và các mục đích tương tự - Phần 2 - 6: Yêu cầu cụ thể đối với ổ cắm có công tắc có khóa liên động dùng trong hệ thống lắp đặt điện cố định; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 25:2025/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2561.**
8	- Phích cắm điện dùng trong gia đình có dòng điện danh định không vượt quá 32A; - Phích cắm điện dùng trong gia đình.	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 25:2025/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự; - TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002) - Ổ cắm và phích cắm dùng trong gia đình và các mục đích tương tự - Phần 1: Yêu cầu chung; - TCVN 6188-2-1:2008 (TEC 60884-2-1:2006) - Ổ cắm và phích cắm dùng trong gia đình và các mục đích tương tự - Phần 2-1: Yêu cầu cụ thể đối với phích cắm có cầu chảy; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 25:2025/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2561.**

9	- Bộ chuyển đổi ổ cắm dùng trong gia đình có dòng điện danh định không vượt quá 32 A; - Bộ chuyển đổi ổ cắm dùng trong gia đình.	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 25:2025/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự; - TCVN 6188-1:2007 (TEC 60884-1:2002) - Ổ cắm và phích cắm dùng trong gia đình và các mục đích tương tự - Phần 1: Yêu cầu chung; - TCVN 6188-2-5:2016 (IEC 60884-2-5:1995) - Phích cắm và ổ cắm dùng trong gia đình và các mục đích tương tự - Phần 2 - 5: Yêu cầu cụ thể đối với bộ chuyển đổi; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 25:2025/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2561.**
10	- Bộ dây nguồn nối dài dùng trong gia đình có dòng điện danh định không vượt quá 32 A; - Bộ dây nguồn nối dài dùng trong gia đình.	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 25:2025/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự; - TCVN 6188-1:2007 (TEC 60884-1:2002) - Ổ cắm và phích cắm dùng trong gia đình và các mục đích tương tự - Phần 1: Yêu cầu chung; - TCVN 6188-2-7:2016 (IBC 60884-2-7:2013) - Phích cắm và ổ cắm dùng trong gia đình và các mục đích tương tự - Phần 2 - 7: Yêu cầu cụ thể đối với bộ dây nguồn kéo dài; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 25:2025/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2561.**

11	Công tắc điện dùng trong gia đình có dòng điện danh định không vượt quá 20 A; Công tắc điện dùng trong gia đình.	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 25:2025/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự; - TCVN 6480-1:2008 (IEC 60669-1:2007) - Thiết bị đóng cắt dùng cho hệ thống lắp đặt điện cố định trong gia đình và các hệ thống tương tự - Phần 1: Yêu cầu chung; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 25:2025/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2561.**
12	- Aptomat tác động bằng dòng dư, không có bảo vệ quá đồng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCCB) dòng điện danh định không quá 63 A; - Aptomat tác động bằng dòng dư, không có bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCCB).	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 25:2025/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự; - TCVN 6950-1:2007 (IEC 61008-1:2006) - Aptomat tác động bằng dòng dư, không có bảo vệ quá dòng, dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCCB) - Phần 1: Quy định chung; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 25:2025/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2561.**

13	Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - TCVN 5699-2-35:2013 (LEC 60335-2-35:2012) - Thiết bị điện gia dụng và các thiết bị điện tương tự - An toàn - Phần 2-35: Yêu cầu cụ thể đối với bình đun nước nóng nhanh; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện và điện tử theo QCVN 4:2009/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2556.**
14	Dụng cụ điện đun nước và chứa nước nóng	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - TCVN 5699-2-21:2013 (IEC 60335-2-21:2012) - Thiết bị điện gia dụng và các thiết bị điện tương tự - An toàn - Phần 2-21: Yêu cầu cụ thể đối với bình đun nước nóng có dự trữ; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện và điện tử theo QCVN 4:2009/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2556.**

15	Máy sấy tóc và các dụng cụ làm đầu khác	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - TCVN 5699-2-23:2013 (IEC 60335-2-23:2012) - Thiết bị điện gia dụng và các thiết bị điện tương tự - An toàn – Phần 2-23: Yêu cầu cụ thể đối với Thiết bị dùng để chăm sóc da hoặc tóc; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện và điện tử theo QCVN 4:2009/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2556.**
16	Ấm đun nước	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - TCVN 5699-2-15:2013 (IEC 60335-2-15:2012) - Thiết bị điện gia dụng và các thiết bị điện tương tự - An toàn - Phần 2-15: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị đun chất lỏng; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện và điện tử theo QCVN 4:2009/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2556.**

17	Nồi cơm điện	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 4-2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - TCVN 5699-2-15:2013 (IEC 60335-2-15:2012) - Thiết bị điện gia dụng và các thiết bị điện tương tự - An toàn - Phần 2-15: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị đun chất lỏng; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện và điện tử theo QCVN 4:2009/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2556.**
18	Quạt điện	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trọng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - TCVN 5699-2-80:2007 (IEC 60335-2-80:2005) - Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - An toàn- Phần 2-80: Yêu cầu cụ thể đối với quạt điện; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện và điện tử theo QCVN 4:2009/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2556.**

19	Bàn là điện	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 4-2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; -Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - TCVN 5699-2-3:2010 (IEC 60335-2-3:2008) - Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - An toàn - Phần 2-3 - Yêu cầu cụ thể đối với bàn là điện; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện và điện tử theo QCVN 4:2009/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2556.**
20	Lò vi sóng	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - TCVN 5699-2-25:2007 (TEC 60335-2-25:2005) - Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - An toàn- Phần 2-25: Yêu cầu cụ thể đối với lò vi sóng, lò vi sóng kết hợp; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện và điện tử theo QCVN 4:2009/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2556.**

21	Lò nướng điện, vỉ nướng điện (loại di động)	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - TCVN 5699-2-9:2017 (IC 60335-2-9:2016) - Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - An toàn - Phần 2-9: Yêu cầu cụ thể đối với vỉ nướng, máy nướng bánh mỳ và các thiết bị nấu di động tương tự; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện và điện tử theo QCVN 4:2009/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2556.**
22	Dây và cáp điện	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - TCVN 6610-1:2014 (IEC 60227-1:2007) - Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V - Phần 1: Yêu cầu chung; - TCVN 6610-3:2000 (IEC 60227-3:1997) Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V - Phần 3: Cáp không có vỏ bọc dùng để lắp đặt cố định; - TCVN 6610-4:2000 (IEC 60227-4:1992) - Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V - Phần 4: Cáp có vỏ bọc dùng để lắp đặt cố định;

		- TCVN 6610-5:2014 (IEC 60227-1:2007) - Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V - Phần 5: Cáp mềm (dây mềm); - TCVN 6610-6:2011 (IEC 60227-6:2001), Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V - Phần 6: Cáp dùng cho thang máy và cáp dùng cho đoạn nối chịu uốn; - TCVN 6610-7:2014 (IEC 60227-7:2011), Cáp cách điện bằng polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V - Phần 7: Cáp mềm có từ hai ruột dẫn trở lên có chống nhiễu hoặc không chống nhiễu; - TCVN 5935-1:2013 Cáp điện có cách điện dạng đùn và phụ kiện cáp điện dùng cho điện áp danh định từ lkV (Ưm=l,2kV) đến 30kV (Um=36kV) - Phần 1: Cáp dùng cho điện áp danh định bằng lkv (Um=l,2kV) và 3kV (Um=3,6ky); - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện và điện tử theo QCVN 4:2009/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2556.**
23	Dụng cụ điện đun nước nóng kiểu nhúng	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - TCVN 5699-2-74:2010 (IEC 60335-2-74:2009) - Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - An toàn-Phần 2-74: Yêu cầu cụ thể đối với que đun điện; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện và điện tử theo QCVN 4:2009/BKHCN; Quy trình mã hiệu: QĐR.2556.**

24	Dụng cụ pha chè hoặc cà phê	Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - TCVN 5699-2-15:2013 (IEC 60335-2-15:2012) - Thiết bị điện gia dụng và các thiết bị điện tương tự - An toàn - Phần 2-15: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị đun chất lỏng; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện và điện tử theo QCVN 4:2009/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2556.**
25	Máy sấy khô tay	Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 4-2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn đối với thiết bị điện và điện tử; - TCVN 5699-2-23:2013 (IEC 60335-2-23:2012) - Thiết bị điện gia dụng và các thiết bị điện tương tự - An toàn - Phần 2-23: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị dùng để chăm sóc da hoặc tóc; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện và điện tử theo QCVN 4:2009/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2556.**
26	Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự	- TCVN 5699-1:2010 (EC 60335-1:2010) - Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - An toàn - Phần 1: Yêu cầu chung. - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận tương thích điện từ đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 9:2012/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2560.**

27	- Aptomat bảo vệ quá dòng dùng cho điện xoay chiều, dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (MCB) dòng điện danh định không quá *63A* - Aptomat bảo vệ quá dòng dùng cho điện xoay chiều, dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (MCB).	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 25:2025/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự; - TCVN 6434-1:2018 (IEC 60898-1:2015) - Khí cụ điện - Aptomat bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các hệ thống lắp đặt tương tự - Phần 1: Aptomat dùng cho điện xoay chiều; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 25:2025/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2561.**
28	- Aptomat tác động bằng đồng dư, có bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCBO) dòng điện danh định không quá 63 A; - Aptomat tác động bằng dòng dư, có bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCBO).	- Các yêu cầu kỹ thuật và quản lý quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sản phẩm; - QCVN 25:2025/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự; - TCVN 6951-1:2007 (IEC 61009-1:2003) - Aptomat tác động bằng dòng dư có bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCBO) - Phần 1: Quy định chung; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 25:2025/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2561.**

29	Thiết bị giáo dục; Đồ chơi trẻ em	- QCVN 03:2019/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đồ chơi trẻ em; - TCVN 6238-1:2017 (ISO 8124-1:2014), Phần 1: Các yêu cầu an toàn liên quan đến tính chất cơ lý; - TCVN 6238-2:2017 (ISO 8124-2:2014), Phần 2: Tính cháy; - TCVN 623 8-3:2011 (ISO 8124-3:2010), Phần 3: Giới hạn mức thôi nhiễm của một số nguyên tố độc hại; - TCVN 6238-4A:2017 (ISO 8124-4:2014), Phần 4A: Đu, cầu trượt và các đồ chơi vận động tương tự sử dụng tại gia đình; - TCVN 6238-4:1997 (EN 71-4:1990), Phần 4: Bộ đồ chơi thực nghiệm về hoá học và các hoạt động liên quan; - TCVN 6238 -5A:2017 (ISO 8124-5:2015); Phần 5A: Xác định tổng hàm lượng một số nguyên tố trong đồ chơi; - TCVN 6238-5:1997 (EN 71-5:1993), Phần 5: Bộ đồ chơi hóa học ngoài bộ đồ chơi thực nghiệm; -TCVN 6238-6:2015 (ISO 8124-6:2014), Phần 6: Một số este phtalat trong đồ chơi và sản phẩm dành cho trẻ em; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận đồ chơi trẻ em phù hợp** qúy **chuẩn** kỹ **thuật QCVN 03:2019/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2555.**
30	Dầu nhờn động cơ đốt trong	- QCVN 14:2018 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong và Sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN sửa đổi, bổ sung một số quy định của QCVN 14:2018/BKHCN; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận dầu nhờn động cơ đốt trong phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 14:2018/ BKHCN và sửa đổi 1:2018/QCVN 14:2018/BKHCN sửa đổi bổ sung một số quy định của QCVN 14:2018/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2557.**

31	Thiết bị dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự	- QCVN 25:2025/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với thiết bị điện lắp đặt trong gia đình và các mục đích tương tự; - TCVN 6434-1:2018 về khí cụ điện - Áptômát bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các hệ thống lắp đặt tương tự; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống điện tương tự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 25:2025/BKHCN;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2561.**
32	Xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học	- TCVN 5689:2024 Nhiên liệu điêzen (DO) - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử; - QCVN 01:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng.
33	Màng địa kỹ thuật polyetylen khối lượng riêng lớn (HDPE)	- TCVN 9748:2014 Màng địa kỹ thuật polyetylen khối lượng riêng lớn (HDPE) - Yêu cầu kỹ thuật; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận Màng địa kỹ thuật polyetylen khối lượng riêng lớn (HDPE) phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật TCVN 9748:2014;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2563.**
34	Trạm biến áp lắp sẵn cao áp/hạ áp	- TCVN 8096-202:2017 (IEC 62271-202:2014) - Cụm đóng cắt và điều khiển cao áp - Phần 202: Trạm biến áp lắp sẵn cao áp/hạ áp; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận Trạm biến áp lắp sẵn cao áp/hạ áp phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật TCVN 8096-202:2017 (IEC 62271-202:2014);** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2564.**

35	Bộ ngắt kết nối dòng điện xoay chiều và công tắc tiếp địa	- IEC 62271-102:2018 Thiết bị đóng cắt và điều khiển điện áp cao - Phần 102: Bộ ngắt kết nối dòng điện xoay chiều và công tắc tiếp địa; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận Bộ ngắt kết nối dòng điện xoay chiều và công tắc tiếp địa phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật IEC 62271-102:2018;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2565.**
36	Thiết bị đóng cắt dòng điện xoay chiều cho điện áp định mức trên 1 kv đến và bao gồm 52 kV	- IEC 62271-103:2021 Thiết bị đóng cắt và điều khiển điện áp cao - Phần 103: Thiết bị đóng cắt dòng điện xoay chiều cho điện áp định mức trên 1 kV đến và bao gồm 52 kv - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận Thiết bị đóng cắt dòng điện xoay chiều cho điện áp định mức trên 1KV đến và bao gồm 52KV phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật IEC 62271-103:2021;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2566.**
37	Cầu chảy cao áp	TCVN 7999-2: 2009 (IEC 60282-2: 2008) Cầu chảy cao áp - Phần 2: cầu chảy giải phóng khí TCVN 7999-1: 2009 cầu chảy giới hạn dòng điện; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận cầu chảy cao áp phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật TCVN 7999-2: 2009 (IEC 60282-2: 2008);** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2567**
38	Khóa cửa có tay nắm	- TCVN 5762:1993 Khóa cửa có tay nắm - Yêu cầu kỹ thuật; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận Khóa cửa có tay nắm phù hợp tiêu chuân kỹ thuật;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2568.**
39	Thiết bị thể dục ngoài trời	- TCVN 13529:2022 Thiết bị luyện tập thể dục ngoài trời được lắp đặt cố định - Yêu cầu an toàn và phương pháp thử; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận Thiết bị thể dục ngoài trời phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật TCVN 13529:2022;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.256.**

40	Dung dịch bentonite	- TCVN 9395:2012 Cọc khoan nhồi; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận Dung dịch bentonie phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật TCVN 9395:2012;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2570.**
41	Thép tấm	- JISG3323:2019 Thép tấm cuộn mạ hợp kim kẽm - nhôm –magiê; - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận Thép tấm phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật JIS G3323:2019;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2571.**
42	Dây đai và vòng đai thép dẹt	- ASTM D3953-15 Tiêu chuẩn kỹ thuật cho dây đai, thép tấm và vòng đệm. BS EN 13246:2001 Bao bì - Thông số kỹ thuật cho dây đai thép chịu lực. - Tiêu chuẩn công bố áp dụng. **Quy định đánh giá chứng nhận Dây đai và vòng đai thép dẹt phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật ASTM D3953-15;** **Quy trình mã hiệu: QĐR.2572.**

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- QCVN: Quy chuẩn Kỹ thuật Việt Nam
- ISO: International Organization for Standardization - Tổ chức tiêu chuẩn hóa Quốc tế
- ASTM: American Society for Testing and Materials - Hiệp hội Thử nghiệm và Vật liệu Hoa Kỳ

Ghi chú:

- Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Tiêu chuẩn/Quy chuẩn kỹ thuật/ văn bản quản lý và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thử nghiệm: Trung tâm Ứng dụng Tiêu chuẩn Chất lượng phải tuân thủ quy định của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực tương ứng ban hành trước khi thực hiện thử nghiệm.

- Quy trình thử nghiệm mang các mã số/mã hiệu "QĐR-..." là phương pháp thử nghiệm do Trung tâm Ứng dụng Tiêu chuẩn Chất lượng xây dựng và công bố áp dụng.